

MA TRẬN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2023-2024
Môn: TOÁN- LỚP 7
Mã đề: A

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	3 (c1,2) 0,67đ	1 (b1a) 1,0đ							1,67
		Các phép toán với số hữu tỉ.			2 (c5,6) 0,67đ			2 (b1b, 1c) 2,0đ		1 (b5) 1,0đ	3,67
2	Các hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	4 (c3,7,8,9) 1,33đ								1,33
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	1 (c10) 0,33đ		1 (c11) 0,33đ	1 (b4) 1,0đ					1,67
		Khái niệm định lý, chứng minh định lý.	1 (c12) 0,33đ								0,33
		Tam giác, tam giác bằng nhau.	1 (c4) 0,33đ			1 (b3) 1,0đ					1,33
Tổng: Số câu Điểm			9 3,0	1 1,0	3 1,0	2 2,0		2 2,0		1 1,0	18 10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

NGƯỜI RA ĐỀ

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

Huỳnh Ngọc Hiếu

Nguyễn Thị Thương

BẢNG ĐẶC TẢ
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2023-2024
Môn: TOÁN - LỚP 7
Mã đề: A

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ	<i>Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ</i>	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. - Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ. Thông hiểu: - Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số. Vận dụng: - So sánh được hai số hữu tỉ.	2TN (c1,2) 1TL (b1a)			
		<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i>	Thông hiểu: - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích thương hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của một lũy thừa). - Mô tả được thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng: - Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết, tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý) - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn		2TN (c5,6)	2TL (b1b,b1c)	

			giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong vật lý, đo đạc, ...) Vận dụng cao: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ				1TL (b5)
HÌNH HỌC – ĐO LƯỜNG							
2	Các hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc.	Nhận biết: - Nhận biết các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh) - Nhận biết được tia phân giác của một góc. - Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập.	4TN (c3,7,8,9)			
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song.	Nhận biết: - Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: - Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. - Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.	1TN (c10)	1TN (c11) 1TL (b4)		
		Khái niệm định lý, chứng minh định lý.	Nhận biết: - Nhận biết được thế nào là một định lý. Thông hiểu: - Hiểu được phần chứng minh của một định lý. Vận dụng: - Chứng minh được một định lý.	1TN (c12)			

		<i>Tam giác, tam giác bằng nhau.</i>	Nhận biết: - Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau. Thông hiểu: - Giải thích được định lý về tổng các góc trong một tam giác bằng 180^0 . - Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông.	1TN (c4)	1TL (b3)		
Tổng				10	5	2	1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

NGƯỜI RA ĐỀ

Huỳnh Ngọc Hiếu

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

Nguyễn Thị Thương

<u>Điểm</u>	<u>Lời phê</u>

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

Câu 1: Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. $-3,4 \in \mathbb{Q}$. B. $-\frac{5}{3} \in \mathbb{Q}$. C. $\frac{-7}{0} \in \mathbb{Q}$. D. $1\frac{2}{3} \in \mathbb{Q}$.

Câu 2: Số đối của $-\frac{1}{2}$ là

- A. $\frac{-1}{2}$. B. -1. C. 1. D. $\frac{1}{2}$.

Câu 3: Cho hai góc kề bù $\widehat{xOy}$ và $\widehat{yOz}$, biết $\widehat{yOz} = 100^\circ$. Khi đó số đo $\widehat{xOy}$ là

- A. 100° . B. 80° . C. 10° . D. 110° .

Câu 4: Biết hai tam giác hình bên bằng nhau. Cách viết nào dưới đây đúng?

- A. $\triangle ABC = \triangle EFD$. B. $\triangle ABC = \triangle DFE$
C. $\triangle ABC = \triangle DEF$. D. $\triangle ABC = \triangle FDE$

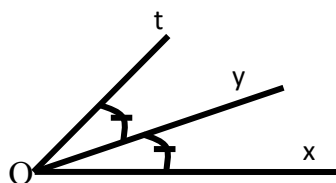
Câu 5: Số 125 viết được dưới dạng lũy thừa của 5 là

- A. 5^{125} . B. -5^{125} .
C. -5^3 . D. 5^3 .

Câu 6: Viết số $\left(\frac{1}{9}\right)^4$ dưới dạng lũy thừa cơ số $\frac{1}{3}$ ta được

- A. $\left(\frac{1}{3}\right)^4$. B. $\left(\frac{1}{3}\right)^8$. C. $\left(\frac{1}{3}\right)^6$. D. $\left(\frac{1}{3}\right)^{12}$.

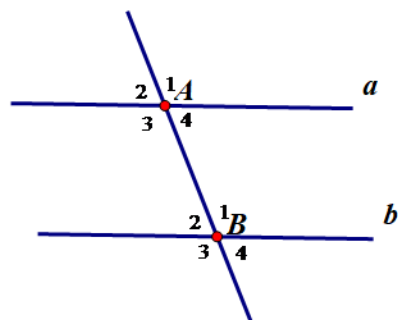
Câu 7: Cho hình vẽ, biết $\widehat{xOy} = 30^\circ$, Oy là tia phân giác của góc $\widehat{xOt}$. Khi đó, số đo của góc $\widehat{yOt}$ là



- A. 20° . B. 30° . C. 40° . D. 60° .

Câu 8: Cho hình vẽ bên. Các cặp góc nào sau đây là hai góc đối đỉnh?

- A. $\widehat{A_1}$ và $\widehat{A_2}$. B. $\widehat{B_1}$ và $\widehat{A_3}$.
C. $\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_1}$. D. $\widehat{A_2}$ và $\widehat{A_4}$.



Câu 9: Cho $\widehat{xOy} = 60^\circ$. Nêu cách dựng tia phân giác Oz của góc xOy. Hãy sắp xếp một cách hợp lý các câu sau đây để có lời giải của bài toán trên.

a. Vẽ ký hiệu $\widehat{xOz} = \widehat{zOy}$.

b. Vẽ tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy sao cho $\widehat{xOz} = 30^\circ$.

c. Vẽ $\widehat{xOy} = 60^\circ$

Sắp xếp nào sau đây là **đúng**?

A. c, b, a.

B. a, b, c.

C. c, a, b.

D. b, c, a.

Câu 10: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống

"Qua một điểm nằm ngoài đường thẳng ... đường thẳng song song với đường thẳng đó"

A. chỉ có một.

B. có hai.

C. có ba.

D. có vô số.

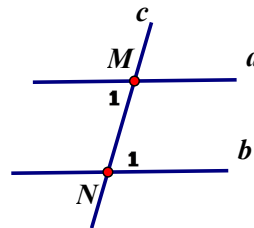
Câu 11: Cho hình vẽ bên. Biết $a // b$, $\widehat{M}_1 = 85^\circ$, khi đó $\widehat{N}_1 = ?$

A. 85° .

B. 95° .

C. 100° .

D. 105° .



Câu 12: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào cho ta một định lý?

A. Hai góc so le trong thì bằng nhau.

B. Hai góc bằng nhau thì so le trong.

C. Hai đường thẳng cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.

D. Hai đường thẳng cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng vuông góc với nhau.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1: (3,0 điểm)

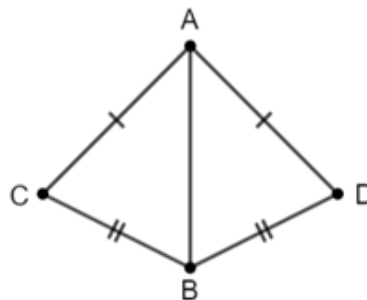
a) Cho các số $\frac{8}{7}; \frac{-2}{5}; -\frac{63}{4}; \frac{-1}{-34}; -\frac{-6}{13}; -1,5; -1\frac{3}{7}$. Hãy chỉ ra các số hữu tỉ âm? (1,0 điểm)

b) b_1) Tìm x, biết: $x + \frac{2}{3} = \frac{10}{3}$; b_2) Tính: $A = \left(-\frac{24}{11}\right) + \left(-\frac{19}{13}\right) + \frac{2}{11} + \left(-\frac{20}{13}\right)$ (1,0 điểm)

c) Mẹ Nam đặt trên Shopee ba con robot hút bụi với giá niêm yết một con robot là 5,7 triệu đồng. Một con để dùng và hai con còn lại để biếu ông bà nội ngoại. Nhân dịp siêu sale 11.11, mẹ Nam được tặng hai phiếu giảm giá 1,2 triệu đồng. Hỏi mẹ Nam phải trả bao nhiêu triệu đồng? (1,0 điểm)

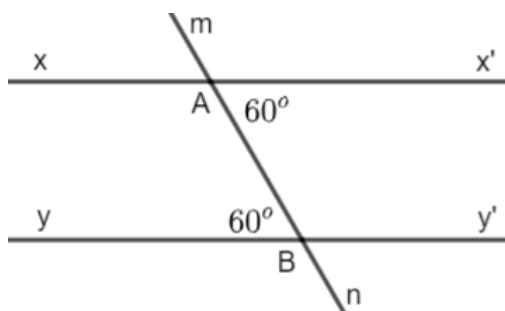
Bài 2: (1,0 điểm)

Cho hình bên. Chứng minh rằng: $\triangle ABC = \triangle ABD$



Bài 3: (1,0 điểm)

Giải thích tại sao $xx' // yy'$.



Bài 4: (1,0 điểm) Một cửa hàng nhập về 100 xe hơi đồ chơi với giá gốc mỗi cái 400 000 đồng. Cửa hàng đã bán 65 xe với giá mỗi cái lãi 30% so với giá gốc; 35 cái xe còn lại bán lỗ 7% so với giá gốc. Hỏi sau khi bán hết 100 xe hơi đồ chơi cửa hàng đó lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?

-----*Hết*-----

NGƯỜI RA ĐỀ

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

Huỳnh Ngọc Hiếu

Nguyễn Thị Thương

HIỆU TRƯỞNG

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I- NĂM HỌC: 2023 - 2024

Môn: TOÁN 7

Mã đề: A

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) (chọn đúng đáp án mỗi câu cho 0,33 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	B	C	D	B	B	D	A	A	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
1a (1,0đ)	Các số hữu tỉ âm : $-\frac{2}{5}; -\frac{63}{4}; -1,5; -1\frac{3}{7}$ (Liệt kê đúng 1 số được 0,25 điểm, liệt kê sai 1 số trừ 0,25 điểm, sai 2 số không cho điểm)	1,0
1b (1,0đ)	$x = \frac{10}{3} - \frac{2}{3}$	0,25
	$b_1) \quad \frac{8}{3}$	0,25
	$b_2) A = \left(-\frac{24}{11} + \frac{2}{11}\right) + \left(\frac{-19}{13} - \frac{20}{13}\right)$	0,25
	$A = \frac{-24+2}{11} + \frac{-19+(-20)}{13} = \frac{-22}{11} + \frac{-39}{13}$ $A = -2 + (-3) = -5$	0,25
1c (1,0đ)	Tổng giá tiền niêm yết của 3 con robot hút bụi là: $5,7.3 = 17,1$ (triệu đồng) Số tiền mẹ Nam phải trả là: $17,1 - 1,2.2 = 14,7$ (triệu đồng)	0,5 0,5
2 (1,0đ)	$\triangle ABC$ và $\triangle ABD$ có:	
	$AC = AD$	0,25
	$BC = BD$	0,25
	AB là cạnh chung $\Rightarrow \triangle ABC = \triangle ABD$ (c.c.c)	0,25 0,25
3 (1,0đ)	Giải thích: Có vì $\widehat{x'AB} = \widehat{yBA} = 60^\circ$ và hai góc này ở vị trí so le trong nên $xx' // yy'$	0,75 0,25
4 (1,0đ)	Số tiền cửa hàng lãi khi bán 65 cái xe là:	
	$65.400\,000.30\% = 7\,800\,000$ (đồng)	0,25
	Số tiền cửa hàng lỗ khi bán 35 cái xe còn lại là:	
	$35.400\,000.7\% = 980\,000$ (đồng)	0,25
	Ta có: $7\,800\,000 - 980\,000 = 6\,820\,000$ (đồng)	0,25
	Do đó cửa hàng đã lãi 6 820 000 đồng	0,25

Lưu ý: Mọi cách giải đúng khác của học sinh vẫn cho điểm tối đa.

NGƯỜI RA ĐỀ

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

Huỳnh Ngọc Hiếu

Nguyễn Thị Thương